

TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HS-ST
Ngày: 27-8-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Đạo, bà Vi Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 03/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HS ngày 08/8/2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 01/9/1986 tại thị trấn M, huyện M, tỉnh S; nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn M, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: Công chức Đội quản lý thị trường số 04, Cục Quản lý thị trường tỉnh S; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 71-QĐ/UBKT ngày 05/7/2024 của Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh S; con ông Nguyễn Huy N và bà Đoàn Thị C; có vợ là Bùi Thị Đ và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 26/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Lường Văn D, sinh ngày 19/9/1979 tại huyện P, tỉnh S; nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn P, huyện P, tỉnh S; nghề nghiệp: Công chức Đội quản lý thị trường số 04, Cục Quản lý thị trường tỉnh S; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 72-QĐ/UBKT ngày 05/7/2024 của Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh S; con ông Lường Long Q và bà Lường Thị T; có vợ là Hoàng Thị Kim Q và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 26/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho

đến nay; có mặt.

3. Hà Thế T, sinh ngày 22/9/1975 tại huyện P, tỉnh S; nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn P, huyện P, tỉnh S; nghề nghiệp: Công chức Đội quản lý thị trường số 04, Cục Quản lý thị trường tỉnh S; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 73-QĐ/UBKT ngày 05/7/2024 của Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh S; con ông Hà Văn U và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Hoàng Thị B và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 26/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đội quản lý thị trường số 04. Người đại diện hợp pháp Ông Lò Xuân T1, chức vụ: Phó Cục trưởng cục quản lý thị trường - Phụ trách Đội Quản lý thị trường số y. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tiểu khu x thị trấn P, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

3. Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1990, ông Lê Việt C, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tiểu khu x thị trấn P, huyện P, tỉnh S. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1997, nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện P, tỉnh S. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và D biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D và Hà Thế T đều là Kiểm soát viên thị trường của Đội Quản lý thị trường số y Cục Quản lý thị trường tỉnh S, có trụ sở làm việc tại thị trấn P, huyện P.

Chiều ngày 18/12/2023, T, D, T được ông Nguyễn Văn S (*là Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số y*) phân công thực hiện các biện pháp nghiệp vụ quản lý địa bàn tại thị trấn P, huyện P. Năm 2022 cơ sở kinh doanh quán Karaoke L (*địa chỉ tiểu khu x, thị trấn P, huyện P*) do anh Lê Việt C sở hữu, quản lý, đã bị xử phạt hành chính về lỗi kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ và kinh doanh hóa chất hạn chế kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp mà không có giấy phép kinh doanh. Vì vậy, T, D, T (*đều mặc trang phục của lực lượng Quản lý thị trường*) đến quán Karaoke L để kiểm tra, rà soát, nắm thông tin theo quy định. Tại đây T, D, T cùng ngồi nói chuyện với Đặng Thị Thu H (*là vợ của anh Lê Việt C*). T nói với H “*thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ, đội quản lý thị trường sẽ tiến hành kiểm tra đối với quán Karaoke L*”. Do không muốn T, D, T tiến hành kiểm tra đối với quán hát của nhà mình nên H nói “*có gì các anh tạo điều kiện không phải kiểm tra, có như thế nào em sẽ chấp hành*”. Lúc này T quay sang nói với D và T “*chị H vừa nói như thế, bây giờ mình yêu cầu chị nộp*

tiền để không tiến hành kiểm tra rồi về nộp lại báo cáo chỉ huy đội". Sau khi nghe T nói thì D và T đã đồng ý. T quay sang nói với H *"nếu không muốn kiểm tra thì chị phải nộp số tiền 15.000.000 đồng"*, H nói *"quán của em dạo này đang kinh doanh khó khăn, em xin các anh giảm xuống 10.000.000 đồng"*. T quay sang hỏi D và T *"như thế có được không các anh"* thì D và T đều nói với T *"như thế cũng được"*. Do không có tiền mặt nên H xin được chuyển tiền vào tài khoản qua ứng dụng ngân hàng, T đã bảo H chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào số tài khoản 1909197999 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội của Lương Văn D. H đã bảo anh Đặng Văn H (là quản lý của quán karaoke L) chuyển số tiền nêu trên vào tài khoản của D.

Sau đó T, D, T cùng đi về trụ sở làm việc của Đội Quản lý thị trường số y. Về đến cơ quan, D chuyển hết số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của D vào số tài khoản 41110000618189 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam của Nguyễn Hoàng T. Do không gặp được ông Nguyễn Văn S nên T, D, T không báo cáo lại nội dung cho ông S biết.

Ngày 19/12/2023, chị Đặng Thị Thu H có đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đề nghị xử lý hành vi phạm của T, D và T. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã triệu tập Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D và Hà Thế T đến làm việc. T, D, T đã giao nộp toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng đã nhận của Đặng Thị Thu H cùng các vật chứng có liên quan khác. Kết luận giám định số 254 ngày 06/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận *"Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật"*.

Qua điều tra, xác minh, đủ căn cứ xác định: Ngày 18/12/2023, ông Nguyễn Văn S, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số y, đã giao Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D, Hà Thế T thực hiện nghiệp vụ quản lý địa bàn, rà soát, nắm tình hình các cơ sở kinh doanh đã bị xử phạt vi phạm hành chính để xây dựng kế hoạch kiểm tra theo quy định. Việc T, D, T nhận số tiền 10.000.000 đồng của Đặng Thị Thu H để không tiến hành thực hiện nghiệp vụ rà soát, nắm thông tin theo quy định thì ông S hoàn toàn không được chỉ đạo, không biết và cũng không được hưởng lợi gì. Do vậy, không có căn cứ để xử lý ông Nguyễn Văn S.

Đối với anh Đặng Văn H (là quản lý quán karaoke): Anh H được Đặng Thị Thu H nhờ chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản của Hiệp vào số tài khoản của Lương Văn D vào ngày 18/12/2023. Quá trình H nói chuyện, bàn và thống nhất với T, D, T về việc đưa tiền thì Hiệp không được biết, không được tham gia bàn bạc, thống nhất, không biết việc chuyển tiền để làm gì. Do vậy, không có căn cứ để xử lý Đặng Văn H.

Đối với anh Lê Việt C (là chồng của H): Ngày 18/12/2023 khi T, D, T đến quán hát Karaoke L của gia đình để kiểm tra thì anh C không ở nhà. Anh C hoàn toàn không được bàn bạc, thống nhất việc đưa số tiền 10.000.000 đồng cho Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D và Hà Thế T. Do vậy, không đề cập xử lý.

Đối với chị Đặng Thị Thu H: Ngày 19/12/2023, chị H đã chủ động khai báo với Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên về việc ngày 18/12/2023 đã đưa số tiền 10.000.000 đồng cho Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D và Hà Thế T trước khi bị phát giác. Do vậy, ngày 06/6/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên căn cứ điểm

a khoản 1 Điều 230 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm c khoản 2 Điều 29 và khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và đình chỉ điều tra bị can, miễn trách nhiệm hình sự đối với chị Đặng Thị Thu H về tội Đưa hối lộ.

Cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D, Hà Thế T về tội Nhận hối lộ theo điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung bản cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D, Hà Thế T về tội Nhận hối lộ và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 và 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 26 đến 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Lương Văn D và bị cáo Hà Thế T từ 24 đến 28 tháng tù, cho 03 bị cáo được hưởng án treo; hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ kiểm soát viên quản lý thị trường từ 01 đến 03 năm.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 7 Điều 364; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước 5.000.000 đồng tiền hối lộ, trả lại cho chị Đặng Thị Thu H 5.000.000 đồng tiền hối lộ.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho các bị cáo điện thoại di động và quần áo bị thu giữ.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nhất trí nội dung Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên. Các bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thu H, anh Lê Việt C và người làm chứng anh Đặng Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên theo khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện

Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D, Hà Thế T giữ nguyên lời khai như tại Cơ quan điều tra và nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát. Các bị cáo khẳng định việc khai báo là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định. Như vậy, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Về chức vụ, quyền hạn được giao của các bị cáo: Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D, Hà Thế T là kiểm soát viên quản lý thị trường thuộc Đội Quản lý thị trường số y. Theo các Quyết định phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ số 18040009/QĐ-NV, số 18040010/QĐ-NV và số 18040012/QĐ-NV của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số y đều được ban hành ngày 01/5/2023, 03 bị cáo đều là Kiểm soát viên thị trường, mỗi bị cáo được phân công quản lý một số tiểu khu thuộc thị trấn P và 1 số xã trên địa bàn huyện P. Trong đó, bị cáo T được phân công quản lý địa bàn tiểu khu x (*nơi có quán Karaoke L*). Tháng 12/2023, ông Nguyễn Văn S (*là Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số y*) phân công T, D, T (*trong đó T là tổ trưởng*) thực hiện các biện pháp nghiệp vụ quản lý địa bàn tại thị trấn P. Việc ông S phân công cho 03 bị cáo như vậy là đúng thẩm quyền nhưng chưa đảm bảo về hình thức bằng văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Thông tư liên tịch 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020 của Bộ Công thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng quản lý thị trường và Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT (*sau đây được gọi tắt chung là Thông tư 27/2020/TT-BCT*).

[3.2] Về nhiệm vụ, thẩm quyền của các bị cáo: Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 33 Pháp lệnh Quản lý thị trường; Điều 34 và Điều 35 Thông tư 27/2020/TT-BCT, 03 bị cáo có thẩm quyền thực hiện biện pháp nghiệp vụ quản lý địa bàn đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trên địa bàn thị trấn P, trong đó có hoạt động “*Kiểm tra, đối chiếu số liệu tình trạng hoạt động của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trên địa bàn sau khi được cấp phép kinh doanh và việc duy trì các điều kiện phải thực hiện khi kinh doanh*”. Bên cạnh đó, 03 bị cáo có thẩm quyền thu thập, thẩm tra, xác minh thông tin về tình hình kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại và việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại của tổ chức, cá nhân đã bị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại có khả năng tái phạm. Như vậy, việc 03 bị cáo đến làm việc tại cơ sở kinh doanh quán Karaoke L thuộc tiểu khu 01 thị trấn P, huyện P, ngày 18/12/2023 là thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao.

[3.3] Về hành vi của các bị cáo: Ngày 18/12/2023, chị Đặng Thị Thu H đã thống nhất chuyển 10.000.000 đồng cho 03 bị cáo bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo D để cơ sở kinh doanh không bị kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định trong hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có điều kiện. Sau khi nhận số tiền nêu trên, các bị cáo đã không tiến hành biện pháp nghiệp vụ đối với cơ sở kinh doanh của chị Đặng Thị Thu H. Hai bên trao đổi, thống nhất ý chí ngay lập tức mà không có dấu hiệu đòi hỏi lộ, sách nhiễu, dùng thủ đoạn xảo quyệt hoặc ép buộc đưa hối lộ. Các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự và nhận biết được hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi nên các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên truy tố các bị cáo về tội Nhận hối lộ theo điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3.4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Nguyễn Hoàng T là tổ trưởng tổ công tác, là người trực tiếp trao đổi, khởi xướng về số tiền, thống nhất việc đưa và nhận hối lộ với chị Đặng Thị Thu H và 02 bị cáo còn lại nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Lương Văn D và bị cáo Hà Thế T là người tiếp nhận ý trí, cùng trao đổi, thống nhất với bị cáo T về việc đưa và nhận hối lộ nên giữ vai trò người thực hành, trong đó bị cáo D có vai trò lớn hơn do là người trực tiếp nhận tiền của chị H. Do đó, cần áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ nội dung sự việc, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và giao nộp toàn bộ số tiền nhận hối lộ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo Nguyễn Hoàng T có bác là liệt sỹ; bị cáo Lương Văn D có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, có bố được tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bị cáo Hà Thế T có mẹ được tặng huân chương kháng chiến hạng ba, có bố được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất. Trong quá trình công tác, bị cáo T được tặng thưởng 03 giấy khen, bị cáo D được tặng thưởng 01 giấy khen, bị cáo T được tặng thưởng 01 giấy khen của Tổng cục Quản lý thị trường và Cục Quản lý thị trường tỉnh S. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của nhà nước và niềm tin của nhân dân vào các cơ quan công quyền. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh

hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đảm bảo giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật theo nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Đề nghị của Viện kiểm sát về hình phạt chính và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ. Thời gian giam giữ đối với bị cáo (từ ngày 20/12/2023 đến ngày 26/10/2023) sẽ được khấu trừ khi bị cáo bị áp dụng hình phạt tù.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định các bị cáo đều là công chức đã bị đình chỉ công tác, ngoài nhà và đất ở chung của hộ gia đình thì các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị lớn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản nhưng cần cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác quản lý thị trường đối với các bị cáo trong một thời hạn nhất định.

[7] Về những người có liên quan:

[7.1] Đối với chị Đặng Thị Thu H: Chị H là người đã thực hiện thực hiện hành vi đưa hối lộ nhưng đã chủ động khai báo với cơ quan điều tra trước khi bị phát giác. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 230 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm c khoản 2 Điều 29, khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự, việc ngày 06/6/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra quyết định đình chỉ điều tra và miễn trách nhiệm hình sự đối với chị Đặng Thị Thu H về tội Đưa hối lộ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7.1] Đối với anh Lê Việt C: Ngày 18/12/2023, khi các bị cáo đến cơ sở kinh doanh của gia đình thì anh Lê Việt C không ở nhà. Anh C không được bàn bạc, thống nhất việc đưa số tiền 10.000.000 đồng cho các bị cáo. Do đó, việc cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7.2] Đối với anh Đặng Văn H là nhân viên quản lý quán được chị Đặng Thị Thu H nhờ chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản của anh H vào số tài khoản của bị cáo Lương Văn D vào ngày 18/12/2023: Anh H không biết việc thỏa thuận đưa và nhận hối lộ giữa chị H với các bị cáo mà chỉ thực hiện việc chuyển tiền thay cho chủ quán. Do đó, việc cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7.3] Đối với ông Nguyễn Văn S, nguyên đội trưởng Đội Quản lý thị trường số y: Việc tháng 12/2023 ông S phân công 03 bị cáo thực hiện biện pháp quản lý địa bàn tại thị trấn P nhưng không có văn bản là vi phạm khoản 3 Điều 34 Thông tư 27/2020/TT-BCT. Tuy nhiên, ông S không biết, không chỉ đạo các bị cáo thực hiện hành vi nhận hối lộ tại cơ sở kinh doanh của anh C, chị H. Do vậy, việc cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông S là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông S đã bị xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra

tham nhũng tại đơn vị do mình phụ trách theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. Do vậy, Hội đồng xét xử không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Khi các bị cáo đến làm việc tại quán Karaoke L, chị Đặng Thị Thu H là người chủ động đặt vấn đề có tính gợi ý việc đưa hối lộ: “*có gì các anh tạo điều kiện không phải kiểm tra, có như thế nào em sẽ chấp hành*”. Sau đó, hai bên nhanh chóng thống nhất việc đưa và nhận hối lộ. Số tiền 10.000.000 đồng là tiền hối lộ giữa hai bên, không phải là thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, căn cứ khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự, cần tịch thu một phần số tiền hối lộ trong vụ án, số còn lại được trả lại cho chị H, anh C. Yêu cầu của chị H về việc các bị cáo phải bồi thường 10.000.000 đồng tiền hối lộ là không có căn cứ chấp nhận do không có căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự. Ngoài yêu cầu nêu trên, chị H anh C không có yêu cầu bồi thường nào khác đối với các bị cáo hoặc yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với Đội Quản lý thị trường số y nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng, tài sản: Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng T và của bị cáo Lương Văn D, 03 bộ quần áo thu giữ của 03 bị cáo: Đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không phải là cung cụ, phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu bồi thường không được chấp nhận. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 và 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D và Hà Thế T phạm tội Nhận hối lộ; xử phạt các bị cáo:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 26 (*hai mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (*năm mươi hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/8/2024).

- Xử phạt bị cáo Lương Văn D 25 (*hai mươi lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 (*năm mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/8/2024).

- Xử phạt bị cáo Hà Thế T 24 (*hai mươi tư*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/8/2024).

- Cấm đảm nhiệm chức vụ kiểm soát viên thị trường đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D, Hà Thế T trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh S, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lương Văn D và bị cáo Hà Thế T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh S giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự, không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Thu H về việc buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D và Hà Thế T phải bồi thường số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, tài sản: Căn cứ khoản 7 Điều 364; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền hối lộ, trả lại cho chị Đặng Thị Thu H, anh Lê Việt C 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền hối lộ (theo mục 1 phần Vật chứng, tài sản tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản hồi 14 giờ 30 phút ngày 04/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên).

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y22S bên trong được lắp 02 sim (máy cũ đã qua sử dụng), 01 áo khoác nhãn hiệu Aristino, 01 áo sơ mi ngắn tay và 01 quần vải của lực lượng quản lý thị trường.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max bên trong được lắp 01 sim (máy cũ, đã qua sử dụng), 01 áo khoác, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần vải của lực lượng quản lý thị trường.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn D 01 áo khoác, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần vải của lực lượng quản lý thị trường.

(mô tả chi tiết tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản hồi 14 giờ 30 phút ngày 04/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lương Văn D và Hà Thế T mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thu H phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 27/8/2024*). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cơ quan THAHS CA huyện Phù Yên;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh S;
- UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh S;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam